

Bản án số: **08/2024/DS-ST**

Ngày: 18/03/2024.

V/v: *Tranh chấp hợp đồng tín dụng*

NHÂN DANH

NHỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HOÀNG MAI, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Quách Mạnh Thành.**

Các hội thẩm nhân dân: **Bà Đào Minh Chi**

Bà Trần Thị Kim Dung

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên tòa: **Ông Nguyễn Ngọc Quang** - Cán bộ Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận Hoàng Mai: **Ông Đặng Văn Sỹ** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 03 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân quận Hoàng Mai xét xử công khai sơ thẩm vụ án thụ lý số 94/2023/TLST-DS ngày 11 tháng 10 năm 2023 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”, theo quyết định đ- a vụ án ra xét xử số 03/2024/QĐXX - DS ngày 05 tháng 02 năm 2024, quyết định hoãn phiên tòa số 08/QĐST-DS ngày 26 tháng 02 năm 2024 giữa các đ- ơng sự:

*** Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP A;**

Trụ sở: Lầu X, XX Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường 8, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh;

Đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch Diễm - Tổng giám đốc;

Đại diện ủy quyền: Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và Khai thác tài sản Ngân hàng A (Công ty SBA);

Đại diện theo pháp luật: Ông Lê Ngọc Tuấn - Tổng giám đốc;

Đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Nguyễn Thanh Hải (Theo giấy ủy quyền số 986/2023/GUQ-CNTD ngày 02 tháng 12 năm 2023;

*** Bị đơn: Bà Trịnh Thị Phương N** - sinh năm: 1987;

HKTT và nơi cư trú: Số X D2-CT2, KĐT XX, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội.

(Có mặt ông Nguyễn Thanh Hải - Đại diện ủy quyền của nguyên đơn, vắng mặt bà Trần Thị Phương N- bị đơn).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm Đại diện ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Thanh Hải trình bày:

Ngày 17/8/2022 bà Trần Thị Phương N có ký với Ngân hàng TMCP A (sau đây gọi tắt là ngân hàng) hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm giấy đề nghị cấp thẻ kèm hợp đồng và Bản điều khoản và điều kiện phát hành thẻ và sử dụng thẻ của ngân hàng. Căn cứ vào thu nhập của bà N, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ số thẻ 436438 - 8289 với hạn mức là 80.000.000 đồng nhằm mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, bà Trần Thị Phương N đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là: 563.972.838 đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay bà Trần Thị Phương N đã thanh toán tiền cho Ngân hàng số tiền: 483.679.000 đồng, thứ tự thanh toán (điều 20 của bản điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, kể từ ngày chuyển nợ quá hạn sẽ thanh toán theo thứ tự gốc trước, lãi sau).

Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng bà Trần Thị Phương N vẫn không có thiện trí trả nợ. Do bà Trần Thị Phương N vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng Ngân hàng), ngày 26/6/2023 ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (điều 23 của bản điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Lãi suất quá hạn: $(2.482\% \times 150\%)$ 3.723% tháng.

Tính đến ngày 05/02/2024 bà Trần Thị Phương N còn nợ các khoản sau: Nợ gốc: 93.359.514 đồng; Lãi quá hạn: 26.068.275 đồng; Tổng cộng: 119.427.789 đồng (*Một trăm mười chín triệu, bốn trăm hai mươi bảy nghìn, bảy trăm tám mươi chín đồng*).

Mặc dù ngân hàng thường xuyên đôn đốc, nhiều lần làm việc trực tiếp với bà Trần Thị Phương N yêu cầu bà Trần Thị Phương N có trách nhiệm thanh toán ngay khoản nợ quá hạn, đồng thời ngân hàng cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để bà Trần Thị Phương N trả nợ, tuy nhiên bà Trần Thị Phương N vẫn chưa thanh toán khoản vay quá hạn cho Ngân hàng. Bà Trần Thị Phương N vi phạm các điều khoản hợp đồng đã ký.

**** Yêu cầu của nguyên đơn:***

1. Buộc bà Trần Thị Phương N phải trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 05/02/2024 là: 119.427.789 đồng (*Một trăm mười chín triệu, bốn trăm hai mươi bảy nghìn, bảy trăm tám mươi chín đồng*).

2. Bà Trần Thị Phương N có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh kể từ ngày 05/02/2024 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng.

3. Buộc Bà Trần Thị Phương N phải chịu trách nhiệm thanh toán toàn bộ án phí, phí thi hành án, chi phí phát sinh liên quan.

* *Tại phiên tòa ngày hôm nay*, người đại diện ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Thanh Hải vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu bà Trần Thị Phương N phải thanh toán tiền tính đến ngày 18/03/2023 số tiền là: 124.293.867 đồng (*Một trăm hai mươi tư triệu, hai trăm chín mươi ba nghìn, tám trăm sáu mươi bảy đồng*) (trong đó: Nợ gốc: 93.359.514 đồng; Lãi quá hạn: 30.934.353 đồng).

* **Bị đơn là bà Trần Thị Phương N**, Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai đã tổng đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định tại khoản 4, khoản 5 điều 177 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Bà Trần Thị Phương N đã không nhận trực tiếp các văn bản tố tụng của Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai. Để đảm bảo cho việc tổng đạt được hợp lệ Tòa án tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng của Tòa án theo đúng quy định tại điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng bà N không lên tòa để thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án. Do vậy, tại hồ sơ không có bản tự khai của bà N, bà N vắng mặt trong tất cả các phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Bà N đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình khi không tham gia tố tụng tại tòa án. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ hai lần để tham gia phiên tòa, nhưng Bà Trần Thị Phương N vẫn vắng mặt, do vậy căn cứ điều 277, điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa có ý kiến:

- Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án về tranh chấp hợp đồng tín dụng đ-ợc quy định tại điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Do ngân hàng đòi cá nhân tiền vay bằng hợp đồng cấp thẻ tín dụng, nên đây là vụ án tranh chấp tín dụng thuộc vụ án dân sự.

Bị đơn là Bà Trần Thị Phương N hiện có nơi cư trú tại: Số 302D2-CT2KĐT tây Nam Linh Đàm, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội. Vì vậy Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội thụ lý và giải quyết là phù hợp với điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Về việc xác định tư cách tham gia tố tụng của các đương sự. Tòa án đã xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự theo điều 68 BLTTDS 2015.

- Việc thu thập tài liệu chứng cứ theo đúng quy định tại điều 95-97 BLTTDS 2015.

- Việc tổ chức phiên hòa giải và công khai chứng cứ đúng theo điều 208 - 210 BLDS 2015.

- Việc chấp hành đúng thời hạn chuẩn bị xét xử.
- Việc thẩm phán tiến hành tố tụng giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến phiên tòa đã tuân thủ theo đúng trình tự, thủ tục quy định tại điều 41 bộ luật tố tụng Dân sự.
- Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng trình tự xét xử quy định từ điều 217 đến điều 235 Bộ luật tố tụng dân sự,
- Nguyên đơn chấp hành đúng theo quy định của pháp luật được quy định tại điều 70, điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015,
- Bị đơn đã không chấp hành đúng các quy định tại điều 70, điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.
- Về nội dung: Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàng Mai nhận định về nội dung, hình thức hợp đồng tín dụng. Bà Trần Thị Phương N vay tiền để chi tiêu cá nhân nên không xác định những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A, buộc bà Trần Thị Phương N có trách nhiệm thanh toán trả cho toàn bộ số tiền nợ gốc, lãi chậm trả như Ngân hàng A yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về Tố tụng:

1.1. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: đây là vụ án yêu cầu thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng TMCP A với bà Trần Thị Phương N là tranh chấp dân sự được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

1.2. Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bà Trần Thị Phương N có nơi cư trú Số X, phường Tân Mai, quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội. Vì vậy, căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a, khoản 1, Điều 35 và điểm a, khoản 1, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án nêu trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

1.3. Về chủ thể khởi kiện: Đây là vụ án tranh chấp Hợp đồng tín dụng. Bà Trần Thị Phương N không thanh toán được tiền thẻ vay cho Ngân hàng TMCP A sau khi đến hạn trả

1.4. Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai tổng đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định tại khoản 4, khoản 5 điều 177 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Bà Trần Thị Phương N đã không nhận trực tiếp các văn bản tố tụng của Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai. Để đảm bảo cho việc tổng đạt được hợp lệ Tòa án tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng của Tòa án theo đúng quy định tại điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng Bà N không lên tòa để thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ hai lần để tham gia phiên tòa, nhưng bà Trần Thị Phương N vẫn vắng mặt. Vì vậy, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông Nam là phù hợp với quy định của pháp luật tại Điều 227, điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2]. Về yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn: Hội đồng xét xử nhận thấy:

2.1. Xét tính hợp pháp của hợp đồng tín dụng:

Ngân hàng TMCP A được thành lập theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và được Sở kế hoạch đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số 0301103908, đăng ký lần đầu ngày 13/01/1992, đăng ký thay đổi lần thứ 40 ngày 09/02/2021; Ngân hàng TMCP A và bà Trần Thị Phương N xác lập quan hệ tín dụng thông qua giấy đề nghị cấp thẻ ngày 17.08.2022.

Về chủ thể tham gia ký kết tín dụng thông qua giấy đề nghị cấp thẻ là người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng Ngân hàng TMCP A và bà Trần Thị Phương N.

Xét hợp đồng được xác lập trên cơ sở tự nguyện của các bên tham gia, mục đích giao kết không vi phạm điều cấm của Pháp luật, không trái đạo đức xã hội, hình thức, nội dung phù hợp quy định của Pháp luật về hợp đồng vay tài sản nên có hiệu lực thi hành đối với các bên tham gia.

2.2. Về quá trình thực hiện hợp đồng:

Ngày 17/8/2022 Bà Trần Thị Phương N có ký với Ngân hàng TMCP A (sau đây gọi tắt là ngân hàng) hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm giấy đề nghị cấp thẻ kèm hợp đồng và Bản điều khoản và điều kiện phát hành thẻ và sử dụng thẻ của ngân hàng. Căn cứ vào thu nhập của bà Trần Thị Phương N, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ số thẻ 436438-8289 với hạn mức là 80.000.000 đồng nhằm mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, bà Trần Thị Phương N đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là: 563.972.838 đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay bà Trần Thị Phương N đã thanh toán tiền cho Ngân hàng số tiền: 483.679.000 đồng, thứ tự thanh toán

(điều 21 của bản điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, kể từ ngày chuyển nợ quá hạn sẽ thanh toán theo thứ tự gốc trước, lãi sau).

Ngày 26/6/2023, Bà N vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ đối với Bà N. Và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (điều 24 Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ của A).

Theo quy định tại điều 22, điều 23 Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ của A có hiệu lực từ ngày 27/8/2020 và phụ lục phát hành thẻ đi kèm không tách rời với hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng mà bà Trần Thị Phương N đã ký kết với ngân hàng.

Hiện thẻ tín dụng với thông tin trên đã quá hạn. Dư nợ đến ngày 18/03/2024 của bà N là: số tiền là: 124.293.867 đồng (*Một trăm hai mươi tư triệu, hai trăm chín mươi ba nghìn, tám trăm sáu mươi bảy đồng*)(trong đó: Nợ gốc: 93.359.514 đồng; Lãi quá hạn: 30.934.353 đồng)

2.3. Xét yêu cầu đề nghị Tòa án buộc bà Trần Thị Phương N phải trả tiền gốc là 93.359.514 đồng:

Căn cứ vào giấy đề nghị cấp thẻ ngày 17/8/2022, Ngân hàng TMCP A (sau đây gọi tắt là ngân hàng) có phát hành thẻ tín dụng thẻ tín dụng số thẻ 436438-8289 với hạn mức là 80.000.000 đồng nhằm mục đích tiêu dùng cá nhân . Hiện thẻ tín dụng với thông tin trên đã quá hạn tính đến ngày 26/06/2023 của Bà N là 93.359.514 đồng

Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Căn cứ vào bản điều khoản, bản điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của cá nhân ngân hàng thương mại cổ phần A Có hiệu lực từ ngày 27/8/2020 và phụ lục phát hành thẻ tín dụng không tách rời với hợp đồng thẻ tín dụng mà bà Trần Thị Phương N ký với Ngân hàng A.

Căn cứ vào các điều 22, điều 23, điều 24 của bản điều khoản, bản điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của cá nhân ngân hàng thương mại cổ phần A cách tính lãi phát sinh trên thẻ.

Căn cứ vào các văn bản tính lãi, số tiền thanh toán tối thiểu phí vượt hạn mức, phí của Ngân hàng A đã nộp cho tòa án.

Do vậy hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng đòi tiền nợ gốc đối với bà Trần Thị Phương N. Với số tiền là 93.359.514 đồng .

2.4. Xét yêu cầu đề nghị Tòa án tính lãi quá hạn của bà Trần Thị Phương N tiền lãi quá hạn đến hết ngày 18/03/2024 là 30.934.353 đồng

Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ giấy đề nghị cấp thẻ kiêm hợp đồng và bản điều khoản, bản điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của cá nhân ngân hàng thương mại cổ phần A.

Tại điều 23 của bản điều khoản, bản điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của cá nhân ngân hàng thương mại cổ phần A. Cách tính lãi: lãi suất cho vay mà A áp dụng đối với các khoản vay qua phát thẻ, bao gồm lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn. Lãi suất trong hạn là lãi suất được tính theo biểu phí lãi suất do A công bố qua các thời kỳ, lãi suất quá hạn là mức lãi suất tối đa bằng 150% mức lãi suất trong hạn.

Ngân hàng A đã xuất trình toàn bộ bản tính lãi qua các thời kỳ tính từ 26/6/2023 đến nay .

Do vậy, bà Trần Thị Phương N phải thanh toán cho Ngân hàng với số tiền lãi từ ngày 26/6/2023 đến hết ngày 18/03/2024 là 30.934.353 đồng là có cơ sở được chấp nhận.

[3]. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP A được chấp nhận, vì vậy Ngân hàng TMCP A không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp; Bị đơn là bà Trần Thị Phương N phải chịu án dân sự sơ thẩm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: khoản 1 Điều 26; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 184; Điều 217, điều 218 điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ: Điều 335, Điều 429 , Bộ luật dân sự 2015

Căn cứ: Điều 397; Điều 398; Điều 399; Điều 400; Điều 401 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP A đối với bà Trần Thị Phương N.

Buộc bà Trần Thị Phương N phải thanh toán trả cho Ngân hàng TMCP A số tiền là: 124.293.867 đồng (*Một trăm hai mươi tư triệu, hai trăm chín mươi ba nghìn, tám trăm sáu mươi bảy đồng*)(trong đó: Nợ gốc: 93.359.514 đồng; Lãi quá hạn: 30.934.353 đồng)

2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm bà Trần Thị Phương N phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thi hành xong khoản nợ gốc. Trường hợp hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về án phí: Bà Trần Thị Phương N phải chịu 6.214.693 đồng (Sáu triệu, hai trăm mười bốn nghìn, sáu trăm chín mươi ba nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (ch- a nộp).

- Hoàn trả: Ngân hàng TMCP A số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.244.080 đồng (Hai triệu, hai trăm bốn mươi bốn nghìn, không trăm tám mươi nghìn đồng) tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/000461 ngày 11/10/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Hoàng Mai.

4. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn là Ngân hàng TMCP A có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn là bà Trần Thị Phương N có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ này niêm yết hoặc tổng đạt hợp lệ bản án./.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàng Mai;
- Chi cục thi hành án dân sự quận Hoàng Mai;
- Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Quách Mạnh Thành

HỘI THẨM NHÂN DÂN

CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

